

Số: 2347 /SNNMT-QLMT  
V/v báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất  
thải rắn sinh hoạt trên địa bàn.

Hưng Yên, ngày 14 tháng 10 năm 2025

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các xã, phường;
- Các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh.

Thực hiện Công văn số 642-CV/VPTU ngày 16/9/2025 của Văn phòng Tỉnh ủy về việc thông báo ý kiến chỉ đạo của Thường trực Tỉnh ủy; Công văn số 1573/UBND-KT2 ngày 17/9/2025 của UBND tỉnh về việc thực hiện Công văn số 642-CV/VPTU ngày 16/9/2025 của Văn phòng Tỉnh ủy.

Để tham mưu UBND tỉnh phương án, giải pháp tổng thể, căn cơ về thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt trên địa bàn tỉnh, Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị:

1. UBND các xã, phường báo cáo thực trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; tình hình quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt; khó khăn, vướng mắc và đề xuất kiến nghị (*mẫu báo cáo tại Phụ lục 1 kèm theo Công văn*).

2. Các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh báo cáo tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở; khối lượng rác thải sinh hoạt tiếp nhận xử lý tại từng xã, phường (*mẫu báo cáo tại Phụ lục 2 kèm theo Công văn*).

Đề nghị UBND các xã, phường; các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh báo cáo về Sở Nông nghiệp và Môi trường **trước ngày 17/10/2025** để tổng hợp, báo cáo UBND tỉnh.

Sở Nông nghiệp và Môi trường đề nghị UBND các xã, phường; các đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải trên địa bàn tỉnh triển khai thực hiện./

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Giám đốc Sở;
- Phòng QLMT;
- Lưu: VT.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Trần Đăng Anh**

**PHỤ LỤC 1: Mẫu báo cáo tình hình phát sinh, quản lý chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn xã, phường**

(Kèm theo Công văn số ...../SNNMT-QLMT ngày ...../10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**1. Thực trạng phát sinh, thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Thực trạng phát sinh chất thải rắn: ....tấn/ngày.
- Tình hình thực hiện phân loại chất thải sinh hoạt tại nguồn: ...% số hộ thực hiện/tổng số hộ gia đình trên địa bàn; phân loại, xử lý chất thải hữu cơ tại hộ gia đình: số hộ thực hiện, hình thức thực hiện (đào hố, thùng hay xây bể).
- Tình hình thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt: Thu gom rác thải từ các hộ gia đình đến điểm tập kết, bãi chôn lấp rác thải của các thôn, xã do tổ đội vệ sinh môi trường/hợp tác xã/ doanh nghiệp (nêu rõ số lượng, tần suất vận chuyển).
- Tình hình xử lý chất thải rắn sinh hoạt: Tổng lượng chất thải rắn sinh hoạt được xử lý: .... tấn/ngày.  
Trong đó:
  - + Xử lý tại hộ gia đình: .... tấn/ngày.
  - + Xử lý tại bãi chôn lấp: .... tấn/ngày.
  - + Xử lý tại điểm tập kết/khu xử lý tập trung: .... tấn/ngày.
  - + Xử lý bằng hình thức khác (nếu có): .... tấn/ngày.
- Hiện trạng các bãi chôn lấp, điểm tập kết:

| TT        | Tên điểm            | Mô tả vị trí (gần nguồn nước, khu dân cư, bệnh viện... hoặc các công trình xây dựng khác) | Diện tích (m <sup>2</sup> ) | Khối lượng rác tồn đọng (tấn) | Lượng rác còn khả năng tiếp nhận (tấn) | Biện pháp đang xử lý giảm thiểu ô nhiễm | Phương án xử lý thời gian tới |
|-----------|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------|-------------------------------|----------------------------------------|-----------------------------------------|-------------------------------|
| <b>I</b>  | <b>Bãi chôn lấp</b> |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| 1         |                     |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| 2         |                     |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| ...       |                     |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| <b>II</b> | <b>Điểm tập kết</b> |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| 1         |                     |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| 2         |                     |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |
| ...       |                     |                                                                                           |                             |                               |                                        |                                         |                               |

- Hiện trạng hoạt động các lò đốt (nếu có): Số lượng, công suất, tình trạng hoạt động, ...

- Việc rà soát quy hoạch, xây dựng điểm tập kết, trạm trung chuyển chất thải rắn sinh hoạt đáp ứng yêu cầu lưu giữ các chất thải rắn sinh hoạt đã được phân loại theo quy định tại Điều 76 Luật Bảo vệ môi trường.

- Việc thực hiện ký hợp đồng thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt: đã thực hiện chưa?

**2. Tình hình quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp môi trường trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

- Kinh phí được giao sau khi thực hiện chính quyền địa phương 02 cấp.

- Tình hình sử dụng, chi kinh phí sự nghiệp môi trường trong việc thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải rắn sinh hoạt.

**3. Khó khăn, vướng mắc**

- Về thu gom, vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt

- Về xử lý chất thải rắn sinh hoạt

- Về kinh phí thực hiện

**4. Đề xuất, kiến nghị**

**PHỤ LỤC 2: Mẫu báo cáo tình hình thu gom, tiếp nhận xử lý chất thải rắn sinh hoạt tại cơ sở xử lý chất thải rắn sinh hoạt**

(Kèm theo Công văn số /SNNMT-QLMT ngày /10/2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường)

**1. Tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt năm 2025 trước thời điểm tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (trước ngày 01/7/2025)**

| TT | Tên huyện | Khối lượng tiếp nhận | Tình trạng hợp đồng |               | Ghi chú |
|----|-----------|----------------------|---------------------|---------------|---------|
|    |           |                      | Đã thanh lý         | Chưa thanh lý |         |
| 1  |           |                      |                     |               |         |
| 2  |           |                      |                     |               |         |

**2. Tình hình thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải sinh hoạt năm 2025 sau thời điểm tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp (Từ ngày 01/7/2025)**

| TT | Tên xã, phường | Khối lượng tiếp nhận | Thành tiền (đồng) | Tình trạng hợp đồng |                  | Ghi chú |
|----|----------------|----------------------|-------------------|---------------------|------------------|---------|
|    |                |                      |                   | Đã ký hợp đồng      | Chưa ký hợp đồng |         |
| 1  |                |                      |                   |                     |                  |         |
| 2  |                |                      |                   |                     |                  |         |

- 3. Khó khăn, vướng mắc**  
**4. Đề xuất, kiến nghị**